TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn C.
2. Bà Lê Thị Ng.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Thái Vương Tr - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 748/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989; nơi thường trú: Số 127/18/9 Đại Lộ Bình Dương, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Hoàng Ph, sinh năm 1983; nơi thường trú: Số 68/417 Trần Quang Khải, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số 65/3C khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Phạm Hoàng Ph tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 25 tháng 7 năm 2022. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Tuấn A yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Hoàng Ph.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Hoàng Ph đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Phương không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn A khởi kiện bà Phạm Hoàng Ph yêu cầu ly hôn, bà Phương hiện đang sinh sống tại số 65/3C khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Hoàng Ph theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Phương không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Phương trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Phạm Hoàng Ph tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 25 tháng 7 năm 2022 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, ông A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc

nên ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà PH. Tòa án có xác minh tại địa phương nhưng địa phương chưa ghi nhận gì về mâu thuẫn vợ chồng của ông A và bà PH.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà PH không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập bà PH tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà PH vắng mặt. Mặt khác, ông A xác định ông không còn tình cảm với bà PH, ông cương quyết ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông A về việc ly hôn với bà P.

Về con chung: Quá trình chung sống ông A và bà PH không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A đối với bị đơn bà Phạm Hoàng Ph về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A được ly hôn với bà Phạm Hoàng Ph.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005377 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA